

TÍNH CÁCH NGƯỜI VIỆT Ở VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

HUYỀN VĂN SINH (*)



Kéo vó trên sông nước Nam Bộ

Vùng đất Nam bộ bao gồm cả một vùng rộng lớn, trong đó vùng đồng bằng sông Cửu Long chiếm một diện tích đất canh tác lúa nước lớn nhất nước. Về mặt địa hình có tương đối đầy đủ các vùng như đất nước Việt Nam: vùng núi, vùng rừng, đồng bằng, vùng biển. Lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất này so với vùng châu thổ sông Hồng còn rất sớm (xét lịch sử khai khẩn), là một vùng đất mới, thậm chí còn rất mới so với lịch sử chiều dài của đất nước. Nhưng từ xưa

vùng đất này đã có một nền văn hóa in dấu chân người rất đặc sắc nổi lên với nền văn hóa cổ Óc Eo phát triển rực rỡ.

Những lưu dân người Việt chỉ đến đây vài ba thế kỷ, nền hành chính chỉ thiết lập khi Thống suất Chuông cơ Lễ thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh thừa lệnh chúa Nguyễn Phúc Chu kinh lý đất Đông Phố (vùng đất Đồng Nai - Cửu Long nói chung) vào năm 1698, đây là vùng đất còn nhiều mối hiểm họa, mới lạ với lưu dân Việt, khi ấy chỉ với hơn 4 vạn hộ người Việt. Họ là những con người xuất thân từ nhiều giai tầng, gốc gác về địa phương, phong tục, tập quán và cách thức làm ăn khác nhau, họ ra đi vì những lý do khác nhau,... nhưng tất cả họ đều có một mẫu số chung thuộc cộng đồng dân tộc Việt Nam, mang trên người bản sắc đặc trưng của văn hóa Thăng Long nghìn năm văn hiến. Họ gồm những người khao khát tự do không chịu khuất phục trước những trở lực khắc nghiệt vốn có khách quan của thế giới tự nhiên lúc bấy giờ. Do đó, hoàn cảnh lịch sử đã tạo ra cơ chế lựa chọn tự nhiên, hội tụ những con người có tính cách và năng lực để mở đầu tiến trình Nam tiến và là cơ sở hình thành và phát triển tính cách của cư dân Việt ở Nam Bộ nói chung và đồng

(*)Thạc sĩ, cựu sinh viên khoa ĐNÁ học Khóa 1997-2001

bằng sông Cửu Long nói riêng sau này được danh tụng:

Từ:

*Tới đây xứ sở lạ lùng,
Con chim kêu phải sợ, con cá vùng phải kinh.*

Để:

*Làm trai cho đáng nên trai
Phú Xuân đã trải Đồng Nai đã từng.*

Tính cách văn hóa người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long là một thành tố không thể tách rời trong chính thể chung của văn hóa Nam Bộ và văn hóa Việt Nam. Đây là vấn đề mang tính khoa học, có tính thời đại, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước hiện nay. Trong giới hạn bài viết này, chúng tôi xin mạn phép dừng lại việc đánh giá những thành tố văn hóa góp phần hình thành tính cách con người đồng bằng sông Cửu Long và những định hướng phát huy các thành tố ấy trong sự nghiệp phát triển hiện nay.

1. NỀN KINH TẾ THUẦN NÔNG.

Đại bộ phận nông dân vùng châu thổ sông Cửu Long vốn kế thừa truyền thống một nước có nền văn minh nông nghiệp Việt Nam; chi phối đến nếp nghĩ, nếp sinh hoạt của người dân và tạo nên bản sắc riêng trong nội tại chính cơ tầng nông thôn ấy. Xét bề mặt tác động tổng thể kinh tế đi vào quỹ đạo của nền kinh tế thị trường, nơi đây thật sự vẫn còn có những vấn đề cần khắc phục trong việc đẩy nhanh hơn nữa chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm làm thế nào đưa người nông dân nơi đây sớm chuyển từ "tam nông" sang "tam hóa"⁽²⁾.

Trên bình diện chung, vị trí địa lý nước ta hoàn toàn nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa. Gió mùa mang mưa (có 2

mùa rõ rệt), con người lợi dụng có nước để trồng trọt. Do đó, mùa mưa là mùa trồng trọt. Từ đây, gió mùa cũng tạo ra ý thức thời vụ. Tuy không có ý thức chặt chẽ về thời gian, giờ giấc, nhưng lại có ý niệm rất chặt chẽ về thời vụ, đã tạo ra lối sống lề mề, không coi trọng thời gian. Ở họ hình thành một quan niệm thời gian theo chu kỳ của nông lịch. Chính tình trạng lãng phí thời gian, không biết tận dụng thời gian đã làm chậm sự phát triển của xã hội. Khi chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyên môn hóa thì tác phong lao động này làm cho các sản phẩm thiếu đi phần "tinh". Hệ quả của vấn đề này chính là do lịch sử để lại rất nặng nề, với điều kiện thổ nhưỡng ở đây ôn hòa, ẩm áp và khá ổn định tạo nên thói quen ăn sâu vào tiềm thức "không tích cốc phòng cơ", vì họ cho rằng thiên nhiên ban tặng cho họ:

*Ruộng, đồng mặc sức chim bay,
Biển, hồ lai láng cá bầy đua bơi.*

Từ đây, tạo nên lối sống phóng khoáng, tự do, đôi khi có phần dễ dãi như một tính cách đặc trưng của họ, nhưng đồng thời hiện tại tạo nên lối sống mất căn cơ, tiết kiệm, thậm chí trở thành thiếu tính kế hoạch trong công việc làm ăn. Đặc trưng này một phần tạo nên tính "mạo hiểm" không những là những dự án làm ăn lớn mà cả ngay trong cấu trúc gia đình luôn "bị quá tải".

2. HỆ THỐNG VĂN HÓA LÀNG XÓM ĐA DẠNG CÓ XU HƯỚNG MỞ.

Với điều kiện tự nhiên nóng ẩm, mưa nhiều và hệ thống kênh rạch chằng chịt⁽³⁾ là hằng số tự nhiên, khi lập làng tất chịu ảnh hưởng các yếu tố này. Ngay buổi đầu đến vùng này lập nghiệp địa điểm định cư được coi tương đối ổn định của người Việt là chọn những khoảnh đất

"giồng"⁽⁴⁾ làm nơi dừng chân. Bởi lẽ, giồng vừa có nước ngọt, vừa cao ráo, tránh được muỗi mòng, rắn rết, đáp ứng được nhu cầu sống còn đầu tiên của người dân mới đến khai phá một vùng đất lạ. Người Việt khi lập làng còn chịu ảnh hưởng của sông nước. Nhà cửa mọc theo hai bên triền sông, thường thì làng lập gần nơi "giáp nước"⁽⁵⁾. Thêm nữa, tận dụng lượng phù sa lắng đọng ở những nơi này, để trồng cây ăn trái, lập nên các nhà vườn, mà cư dân vùng châu thổ này còn gọi là "miệt vườn"⁽⁶⁾. Làng mạc mọc lên ở những nơi này, bởi thế, ở đâu là nơi giáp nước, ở đó trên bờ là thị trấn, thị tứ, chợ búa, tiệm ăn,... dưới bến thuyền ghe ngược xuôi buôn bán thường nghỉ lại đây, chờ con nước.

Hình thức định cư chính của cư dân Việt ở đồng bằng sông Cửu Long lan tỏa theo các triền sông phân tán trên diện rộng, kéo dài, lấy "kinh rạch" hay lộ giao thông làm trục. Mặt khác, từ góc nhìn lịch sử, nếu như làng xóm người Việt Bắc Bộ xuất hiện từ sự tan rã dần của công xã nông thôn⁽⁷⁾, thì làng xóm người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long ra đời từ nhu cầu cấp thiết khai phá đất mới, trong suốt từ trước thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX⁽⁸⁾. Trong lối sống của cư dân Việt đồng bằng sông Cửu Long, không có sự phân biệt giữa chính hộ và khách hộ, chưa có sự chia cách giữa nội cư và ngoại cư. Do đó, tính cố kết trong quan hệ dòng họ không chặt chẽ, mối gắn bó giữa người và người trong cùng một làng không phải là quan hệ dòng họ, thậm chí cũng không phải là quan hệ láng giềng lâu đời.

Mô hình khi mới lập làng gần giống như một tổ chức hợp tác tương trợ, rộng mở và phóng khoáng, dân số có thể tăng giảm tùy theo tình hình sản xuất và yêu cầu của đời sống đặt ra,

nên quan hệ thân tộc không còn chặt chẽ nữa, dây liên kết gắn bó con người với con người chỉ còn là nghĩa tình giữa họ với nhau. Do đó, chất dân chủ và quan hệ bình đẳng trong cách đối xử từng người với mọi người, trong lòng từng làng xóm người Việt đồng bằng sông Cửu Long, có cội nguồn sâu xa là thế. Thái độ "trọng nghĩa khinh tài"⁽⁹⁾ của người dân vùng sông nước đồng bằng sông Cửu Long biểu lộ trong lễ thói sống hằng ngày, không phải không có căn nguyên rõ ràng.⁽¹⁰⁾ Khi đối diện với xã hội hiện đại thì tạo nên lối sống buông thả, các mối quan hệ đan xen nhau chằng chịt, lễ thói gia đình, cá nhân, cộng đồng không đồng nhất, mạnh ai nấy làm.

3. HỆ THỐNG ĐẤT ĐAI MANG HÌNH THỨC NỎI TRỘI CHẾ ĐỘ TƯ HỮU.

Nét riêng biệt rõ nhất hiện lên khi ta thử nhìn vào công điền - công thổ của làng Việt đồng bằng sông Cửu Long. Khi đồng bằng sông Cửu Long mới bắt đầu được khai phá (dưới thời các chúa Nguyễn, rồi nhà Nguyễn), ngoài những luồng lưu dân tự ý vào miền đất mới tìm lẽ sống, còn phải tính đến các chính sách khuyến khích khai hoang của nhà nước trung ương tập quyền. Chính vì thế mà ở đây nhanh chóng xuất hiện quyền tư hữu về đất đai. Đặc biệt, thế phân cực giữa một bên với số ít người nhiều ruộng đất; bên kia đa số ít ruộng đất, thậm chí không ruộng đất, đã diễn ra với tốc độ lớn. Điền chủ (hay "địa chủ") xuất hiện trong thời kỳ khai phá. Địa bạ Minh Mạng (1836) cho thấy, vào nửa đầu thế kỷ XIX đã có những điền chủ nắm tới hàng trăm mẫu, thậm chí hàng ngàn⁽¹¹⁾. Như vậy, vào lúc mà cuộc khai thác đất đai ở đồng bằng sông Cửu Long mới diễn ra khoảng hơn một thế kỷ, thì điền chủ, cả một số ít điền chủ lớn, đã xuất hiện. Còn đại đa số cư

dân Việt ở đây là người ít ruộng đất, thậm chí không ruộng đất⁽¹²⁾.

4. DÒNG VĂN HÓA NGHỆ THUẬT ĐẬM CHẤT VÙNG SÔNG NƯỚC.

Chủ đề tình yêu quê hương biểu hiện qua những lời ca tiếng hát thường hòa nguyện cảm xúc đến những vùng, những tỉnh rộng lớn, bung ra từng vùng rộng. Mang hình tượng của những buổi cày cấy, câu đối huê tình với những cánh đồng trải dài mãi tận chân trời. Chính một số đặc điểm của vùng sông nước, làng quê đồng bằng sông Cửu Long trước tiên là sự thiếu chất kết dính, góp phần tạo nên cách biểu hiện tình yêu quê hương theo chiều rộng không có chiều sâu. Đây chính là hạn chế của dòng văn hóa này.

*Gió đưa gió đẩy,
Về rẫy ăn còng,
Về sông ăn cá,
Về giồng ăn dưa.*

Tình yêu đôi lứa, các tác phẩm thuộc chủ đề này trong ca dao - dân ca của người Việt đồng bằng sông Cửu Long, dễ dàng nhận thấy là thái độ thẳng thắn trong những câu gieo tình (yêu ghét phân biệt rạch ròi) giữa nam và nữ. Thể hiện tình cảm chân phương bộc trực, cốt lõi vẫn chính là giữ gìn tình cảm hạnh phúc gia đình khúc dạo đầu thế nào, thì khúc cuối vẫn thế ấy.

*Chim quyen ăn trái nhãn lông
Thia thia quen chậu, vợ chồng quen hơi.*

Hay

*Dao phay kê cổ
Máu đổ không màng
Chết thời chịu chết, buông nàng không buông.*

Cách tỏ tình thẳng thắn và quyết liệt kia là dấu ấn tâm thức của người Việt trong tình yêu nam nữ đồng bằng sông Cửu Long. Nếu tìm hiểu một cách sâu xa của vấn đề thì ta không thể nào bỏ qua tác động của nơi định cư lên tâm thức ấy. Do con người không bị trói buộc từ hành động tới cảm nghĩ, trong ứng xử,... chỉ có thể phóng khoáng, thậm chí ngang tàng. Trong những hoàn cảnh như thế, tính phóng khoáng, thậm chí ngang tàng kia lại có cơ hội trỗi lên hàng đầu, để trở thành tâm lý chủ đạo. Tâm lý này thể hiện tính khỏe khoắn, táo bạo. Đó chính là tính cách đặc thù của những cư dân Việt vùng đồng bằng sông Cửu Long, phản kháng những thành kiến cổ hủ, là bước đệm trong nhận thức của họ trong những năm suy tàn hệ thống luân lý Nho giáo⁽¹³⁾.

5. LUÔN CÓ MỘT ĐỨC TIN THÀNH KÍNH.

Một chủ đề nữa chính là đức tính "dễ tin"; lòng tin ở đây chính là tin vào đấng siêu nhiên nào đó (điều này cần xem xét ở nhiều khía cạnh khác nhau). Vì họ là những lưu dân vốn nghèo hèn, trình độ học vấn bị hạn chế, sự hụt hẫng trong giao tiếp ứng xử, trong công việc, tình cảm sẽ dẫn họ đến những ngộ cụt. Sự ra đời của một số tín ngưỡng, pha trộn của những tôn giáo mà ở một điều kiện nào đó bị thái hóa, nhưng phần nào cũng thỏa mãn một số yêu cầu nào đó đối với những cư dân bản hàn vùng đồng bằng sông Cửu Long. Chính vì người nông dân nghèo, đặc biệt những tá điền không một tấc đất cắm dùi, chẳng tham gia gì vào "việc làng - việc nước", lại sống giữa một thiên nhiên dễ dàng nuôi sống con người, ngoài ra, sự áp bức bóc lột của bọn cường hào phong kiến, thực dân, hạn chế trình độ học vấn,... Trong

những điều kiện ấy, dễ gây tâm lý hụt hẫng là chuyện tất yếu. Để bù vào chỗ hụt hẫng ấy, tốt nhất là tìm ra một lòng tin mới, trong hoàn cảnh xã hội cổ truyền thì một tôn giáo mới, tất nhiên được xây dựng từ một số yếu tố cũ (đạo Nho, đạo Phật). Những triết lý mang tính nhân đạo, sáng tạo, dân tộc, địa phương luôn là đòi hỏi tất yếu trong từng điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể trên vùng đất đồng bằng sông Cửu Long. Tại đây, người ta lại thấy xuất hiện những hình thức tôn giáo mới không hề có ở đâu khác như "Bửu Sơn Kỳ Hương"; đạo "Cao Đài" đã có hàng triệu tín đồ; đạo "Hòa Hảo" cũng với hàng chục vạn người theo,...⁽¹⁴⁾

6. VAI TRÒ VĂN HÓA CÂY LÚA.

Như trình bày ở trên, có thể khẳng định cư dân Việt đồng bằng sông Cửu Long vẫn là cư dân trồng lúa nước. Lư dân vẫn gắn bó với nghề trồng lúa nước như một sự gắn bó mật thiết. Vì nhu cầu cấp tốc khai phá đất đai, các chúa Nguyễn và sau này là các vua nhà Nguyễn ưu đãi, tạo điều kiện cho các lư dân khai phá đất đai Nam Bộ. Quyền tư hữu về đất đai được xác lập từ những ngày đầu khai phá. Với một lượng lớn đất đai trong tay một số người nào đó, lúa gạo sẽ trở thành hàng hóa. Do vậy, có thể nói, ngay từ buổi ban đầu, nghề trồng lúa nước ở đồng bằng sông Cửu Long luôn gắn với nền kinh tế hàng hóa, lúa gạo là hàng hóa chứ không đơn thuần là lương thực như nghề trồng lúa nước ở châu thổ Bắc Bộ. Các địa chủ ở đồng bằng sông Cửu Long nắm trong tay một diện tích lớn về đất đai nên sản xuất nông nghiệp với họ chính là sản xuất hàng hóa, họ cũng nắm trong tay một số lượng lớn lúa gạo, để biến thành hàng hóa.

Mặt khác, khi nhìn nhận nghề trồng lúa nước ở Nam Bộ, lại không thể không ghi nhận sự phát triển của nghề vườn, của những vùng chuyên canh. Đặc điểm này là sự khác biệt của vườn Nam Bộ so với vườn Bắc Bộ. Cư dân Việt Nam Bộ, khi mới đến nơi này khai phá, ngoài việc trồng lúa nước họ còn phải đào mương, lên liếp, lập vườn. Vườn của người Việt Nam Bộ là sự chuyển đổi phương thức canh tác, thành vùng chuyên canh. Ở phương diện nào đó, có thể coi miệt vườn là làng nghề, là cái nôi cung cấp các loại cây giống mang đến mọi miền đất nước, chẳng những thế mà những nguồn lợi từ những giống cây này còn là nguồn nông sản quý giá xuất khẩu đi khắp nơi trên thế giới.

Như vậy, vai trò văn hóa "cây lúa hàng hóa" thông qua việc khuếch trương các kỹ thuật canh tác lúa nước, chọn các vùng đất giống, vùng cù lao ở các triền sông,... Lư dân Việt đồng bằng sông Cửu Long, một mặt vẫn gắn bó với nghề trồng lúa nước, một mặt lại phát triển nghề làm vườn. Tác động của nghề nghiệp đối với con người nhìn ở cả hai phương diện: chủ thể sáng tạo và khách thể tiếp nhận văn hóa rất lớn. Tâm lí, tính cách của cư dân sẽ thay đổi khi thay đổi nghề nghiệp. Chu kì nông lịch theo vòng đời, từng loại giống cây trồng; tùy vùng canh tác khác nhau sẽ tác động vào tâm thức con người khác nhau. Chính hoàn cảnh tự nhiên và thổ nhưỡng của vùng đất này sẽ giúp chúng ta tìm hiểu cận kề hơn trong tính cách người Việt đồng bằng sông Cửu Long; họ sẽ tích tụ, toả phát như thế nào trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay. Đây chính là một yếu tố luôn động, đòi hỏi nhiều nghiên cứu tỉ mỉ hơn hầu tìm ra lời giải đáp thích hợp!

7. VAI TRÒ CHỦ THỂ SÁNG TẠO VĂN HÓA.

Phải nói rằng vùng đất phương Nam từ khi khai phá và định hình lãnh thổ mấy thế kỷ nay vẫn là địa bàn sôi động nhất, bắt buộc mọi người đến đây, không kể điểm xuất phát, phải năng động, sáng tạo mới có thể vươn lên trong đấu tranh, xây dựng cuộc sống. Hiện tại và tương lai cũng sẽ như thế và nhất định chúng ta sẽ chứng kiến nhiều thành quả xuất sắc hơn nữa từ tính năng động và sáng tạo của cư dân phía Nam của Tổ quốc⁽¹⁵⁾. Vai trò chủ thể sáng tạo văn hóa chính là những cư dân Việt. Đây chính là lực lượng chủ đạo lớn nhất, qui tụ mọi thành phần khác nhau, đan xen nhiều yếu tố khác nhau từ văn hóa - chính trị - vai trò xã hội đã tạo nên một thái cực mới đối với toàn cục khi xuôi xuống phương Nam. Điều đó, tạo nên một sinh khí mới tạo thành nếp sinh hoạt xã hội, giúp cho đời sống xã hội trên đường "khẩn hoang" luôn ở thế động, luôn mới (cả chất và lượng), luôn được bồi dưỡng sinh khí, tích hợp được trong mọi điều kiện. Theo thời gian, tạo nên sức sống mới là nguồn động lực quan trọng cho sức sáng tạo và năng động trên đường di chuyển về cực Nam của Tổ quốc. Ý chí đó, bản lĩnh đó được đúc kết từ cách nhìn hiện thực tự nhiên, sự tự giác sáng tạo trong lao động thông qua sức mạnh vốn có của bản thân. Mà các tiêu chí ấy luôn được bảo tồn và nâng lên từ tinh thần dũng cảm, phong cách ứng xử tự do, tri thức sản xuất mới. Đó chính là sự hun đúc của nền văn hóa sông Hồng, duyên hải miền Trung được triển khai và nhân lên trên đất Đồng Nai - Bến Nghé - Cửu Long để trở thành nền văn hóa Việt Nam vững chắc và năng động.⁽¹⁶⁾

Từ đây, ta thấy các yếu tố văn

hóa chủ đạo được tạo bởi người dân đồng bằng sông Cửu Long thể hiện theo tiến trình sau:

Thứ nhất, sự hình thành một tầng lớp đại địa chủ với một số ít người nắm trong tay rất nhiều đất đai, khiến cho đại bộ phận cư dân còn lại chỉ là những chủ sở hữu nhỏ, phần nhiều là tá điền, là những "bần nông không đất". Họ có thể tự do đi từ làng này qua làng khác để canh tác, quyền sở hữu đất đai không có nhiều công điền công thổ, hiện tượng phụ canh lại xuất hiện, những điều ấy tác động đến sự dịch chuyển của tá điền. Người tá điền ở đồng bằng sông Cửu Long, tài sản lớn nhất mà họ có là sức lao động làm thuê. Họ thuê ruộng từ các điền chủ, họ đi làm thuê cho các điền chủ theo mùa vụ hay nói cách khác đi là theo vòng đời cây trồng. Từ đây, tạo cho người tá điền có tâm lý, tính cách không bị ràng buộc của những cơ cấu tổ chức làng xã. Từ tâm lý này, ngày nay, khi thực hiện khoán hộ trên từng đơn vị canh tác, họ không có thói quen tự chủ, đất đai lần lượt "đội nón ra đi", nhất là khi đô thị hóa tới cửa nhà họ.

Thứ hai, việc trao đổi hàng hóa tác động khá mạnh mẽ tới những nông dân ở đây. Cái nhìn của họ đối với sự buôn bán không có sự thù ghét nào, trái lại ưa thích là khác. Nền kinh tế hàng hóa, với một lượng hàng hóa xuất khẩu, hệ thống cầu nối "đầu vào, đầu ra" luôn có mặt mọi nơi, vai trò của các đô thị, thị trấn, thị tứ sẽ khiến cho cái nhìn về nghề buôn với những người nông dân vùng này không có sự khe khắt. Nói cách khác, tầng nấc giá trị nguyên bản của "trọng nông, ức thương" hay bị xiềng trói của hệ tư tưởng Nho giáo "sĩ, nông, công, thương" có những biến tướng theo chiều hướng có lợi ở một

chùng mực nhất định đối với cư dân Việt ở đồng bằng sông Cửu Long. Mặt khác chúng ta không thể bỏ qua yếu tố ngoại sinh từ giới thương buôn người Hoa. Với những đóng góp đáng kể cho việc trao đổi hàng hóa nội vùng khá bén nhậy (nội thương)⁽¹⁷⁾, làm trung gian tạo nơi gặp gỡ của cung và cầu; nhà sản xuất và người tiêu dùng; hàng công nghiệp, thủ công nghiệp của thành thị và nông sản của nông thôn đều có đầu ra. Trong chùng mực nào đó, ở nông thôn đồng bằng sông Cửu Long, sự hiện diện của bộ phận người Hoa này đã kích thích hoạt động kinh tế hàng hóa phát triển, tạo diện mạo "ít đơn điệu" cho vùng nông thôn đồng bằng sông Cửu Long, mà vùng nông thôn Bắc Bộ và Trung Bộ hiếm gặp thấy.⁽¹⁸⁾

Thứ ba, tác động dễ nhìn thấy của nghề buôn đối với cư dân Việt ở đồng bằng sông Cửu Long là việc di lại, buôn bán giữa các vùng⁽¹⁹⁾. Cũng chính vì thế, người dân Việt đồng bằng sông Cửu Long không "nhạt biển"⁽²⁰⁾. Sông rạch, biển cả, miệt vườn là những nơi từng gắn bó gần gũi, thân thiết của người tá điền đồng bằng sông Cửu Long. Cảm quan thẩm mỹ với thiên nhiên, nội dung và nghệ thuật của một số thể loại, tác phẩm văn hóa dân gian, đương nhiên chịu sự tác động của thái độ này đối với người nông dân đồng bằng sông Cửu Long. Với cư dân Việt đồng bằng sông Cửu Long, không gian của làng xã không ảnh hưởng đến việc di lại, dịch chuyển của họ. Họ có thể đi ra ngoài làng xã rất thường xuyên. Mặt khác, cư dân làng xã khác cũng tới lui làng họ đều đặn. Trên hệ thống kênh rạch chằng chịt, những con thuyền ngược xuôi theo con nước rong hay con nước ròng, những chàng trai, cô gái thông thả buông những câu hò đầy thú

vị. Những cô gái với những con thuyền nhỏ nhỏ làm nghề bán dạo nơi các điểm giao nhau của các triền sông, các tụ điểm chợ nổi, nơi giáp nước, trên bờ là những thị tứ. Bởi vậy, họ vừa là người chuyển tải, lưu truyền văn hóa dân gian từ nơi này qua nơi khác, vừa là người sáng tạo hay ứng tác văn hóa dân gian (một thời gian dài có các "thuyền hát rong"; "thuyền văn hóa").

Chủ thể sáng tạo và khách thể tiếp nhận văn hóa Việt Nam giữa các vùng miền đã có những nét khu biệt. Tựu trung, ở các thành tố vừa kể trên của văn hóa người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long theo thời gian có sự thay đổi so với chính nguồn gốc xuất phát của nó từ đồng bằng sông Hồng, vùng duyên hải miền Trung. Do vậy, diện mạo văn hóa Việt ở hai đầu cực của đất nước tất yếu sẽ có những điểm khác nhau. Nhưng sự khác nhau ấy không phá vỡ hệ thống mang tính thống nhất của văn hóa Việt và văn hóa Việt Nam.

VÀI Ý KIẾN THAY LỜI KẾT LUẬN

Chính môi trường tự nhiên và điều kiện xã hội đóng vai trò không nhỏ trong việc hình thành quan điểm thẩm mỹ, tư tưởng, tâm lý, triết lý sống và đời sống tâm linh của một cộng đồng. Họ đến đây không phải bằng "ngọn giáo, lưỡi gươm mở cõi" mà bằng trí tuệ, lòng gan dạ với trong tay là những lưỡi cày, đôi trâu, cái phăng, cái rựa,... Đó cũng chính là quá trình hội nhập và bước đầu phát triển của một lượng lưu dân Việt trên đường phiêu tán về phương Nam đã có nhiều đóng góp tích cực trong công cuộc khai khẩn và làm phong phú thêm nền văn hóa chung Việt Nam. Trong đó hệ thống cấu trúc các thành tố văn hóa người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long có những nét riêng, được các điều kiện

tự nhiên, địa lý, lịch sử, xã hội tạo ra. Và chính những nét riêng ấy, đến lượt chúng, lại tạo ra bản sắc của văn hóa Việt ở đồng bằng sông Cửu Long. Những nét riêng và bản sắc đó làm nên vẻ đẹp của làng xóm người Việt và văn hóa Việt trên miền đất mới này, mà ta không hề gặp ở Bắc Bộ và Trung Bộ. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà chúng phá vỡ cái cấu trúc chung có sẵn của Nhà - Làng - Nước của cơ tầng văn hóa Việt.

Giờ đây, để bắt tay vào xây dựng một nền văn hóa mới trên miền sông nước đồng bằng sông Cửu Long đang cùng cả nước bước vào một cuộc sống mới, không thể không tìm hiểu các thành tố văn hóa theo thời gian định hình nên tính cách văn hóa con người đồng bằng sông Cửu Long. Dưới đây là đôi điều kiến nghị, nhằm phát huy cao hơn nữa những ưu điểm vốn có và khắc phục những khiếm khuyết từ các thành tố văn hóa trên.

Thứ nhất, từng bước xóa dần kinh tế tiểu nông, với một chính sách nông nghiệp có tầm nhìn dài hạn. Sớm nhận rõ được sự giới hạn của nguồn tài nguyên đất đai lẫn nguồn lao động của người tiểu nông (nguồn tài nguyên đất đai bị thu hẹp dần do dân số liên tục tăng cao; đất bị nhiễm mặn, phèn,...; tình trạng độc canh cây lúa, năng suất chưa đạt đúng tầm). Cần một chu trình chuyển tiếp sang một nền kinh tế nông nghiệp hàng hóa thật sự đúng nghĩa của nó, gắn với thương nghiệp và với công nghiệp hóa; thúc đẩy sự phân công lao động ngay trong nội bộ ngành nông nghiệp, biến nông nghiệp độc canh thành nông nghiệp đa canh "một ngành sản xuất chính với nhiều ngành hỗ trợ, dựa vào đó mà phát triển" (mô hình doanh nghiệp vừa và nhỏ rất phù

hợp đối với vùng này). Từ đây, sớm góp phần giảm sức ì vốn có trong tư chất tính cách của người tiểu nông vùng đồng bằng sông Cửu Long, khắc phục tính vụ mùa trong việc sử dụng nguồn lao động, tư liệu sản xuất, tiền vốn.

Thứ hai, chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp cần đẩy mạnh hơn, trước hết là chính sách là cơ cấu cây trồng, giảm bớt diện tích lúa thiếu hiệu quả (ven biển, vùng Đồng Tháp Mười) để có thêm đất phát triển các cây, con khác có giá trị kinh tế cao hơn. Hiện trạng văn hóa xã hội sẽ giảm thiểu như lượng nhập cư về các đô thị, ly nông ly hương, đất đai không người canh tác bị hoang hóa.

Thứ ba, gắn thị trường, dịch vụ với nông sản nhà nông tạo ra. Cần có một chính mở cho từng vùng, tỉnh tạo lợi thế cạnh tranh (nhất là các tỉnh có đường biên giới với nước bạn Campuchia). Các thông tin về thương mại, vốn, giống cây trồng vật nuôi cần được phổ biến rộng rãi hơn nữa (không chỉ bằng tiếng Việt phổ thông mà còn các tiếng dân tộc khác như Khmer, Chăm, Hoa,...). Mô hình 4 nhà "nhà doanh nghiệp, nhà nông, nhà khoa học và nhà băng (ngân hàng)" sớm đi vào cuộc sống được cụ thể hơn.

Thứ tư, gắn giáo dục đào tạo với các nguồn lực phát triển khác của vùng đồng bằng sông Cửu Long (ra sức bồi dưỡng, cổ động chính sách giáo dục mang tính xã hội hóa cao, có chính sách thu hút thỏa đáng cho lượng giáo chức về vùng sâu vùng xa). Một phần chính sách giáo dục vùng đồng bằng sông Cửu Long trong thời gian qua vẫn còn là "vùng trũng nhất của cả nước" do chưa được quan tâm đúng mức và từ hệ lụy của lịch sử, điều kiện tự nhiên để lại.

Thứ năm, đẩy mạnh việc xây dựng đời sống văn hóa khu thôn, xóm, ấp nhiều hơn nữa đi vào chiều sâu chứ không chỉ bằng khẩu hiệu suông. Xây dựng mô hình từ thôn, ấp, xã "văn hóa tiên tiến" lên "văn hóa đúng chuẩn". Muốn thực hiện điều này cần vận động quần chúng (thậm chí dùng tới công cụ pháp lý) xóa bỏ ngay các hủ tục, thói hư tật xấu của người tiểu nông ngay từ cơ sở là gia đình. Giảm thiểu tệ nạn xã hội (mại dâm, ma túy, rượu chè bê tha,...).

Thứ sáu, kiện toàn bộ máy tổ chức chính quyền, trong sạch vững mạnh ngay từ cơ sở. Để làm được vấn đề này cần tháo gỡ khó khăn từ ngay cơ sở, tức phải phổ cập hóa cả về tư tưởng chính trị, học vấn, trình độ chuyên môn mang tầm sâu cho từng cán bộ, đơn vị cơ sở - không phải dàn trải như thời gian qua, khiến các vụ khiếu kiện kéo dài, các văn bản của Đảng và Nhà nước chưa được thể chế hóa đúng mức đi vào cuộc sống của từng người dân đồng bằng sông Cửu Long.

Trên đây chưa hẳn là những chiếc chìa khóa vạn năng để mở cửa nhìn vào những nét riêng biệt của nó, nhưng sẽ là cái riêng chất lọc trong

tổng thể chung văn hóa Việt Nam trên vùng đất đồng bằng sông Cửu Long đang ngày một tỏa phát một cách hài hòa vừa chứa đựng cốt cách sẵn có, lại vừa tiếp nhận cái mới một cách sáng tạo bước vào thế kỷ XXI. Mà như lời của cố Tổng Bí thư Lê Duẩn từng nhận định cốt cách văn hóa con người vùng phương Nam nói chung và con người đồng bằng sông Cửu Long nói riêng có đoạn "...tất cả những gì là cốt tử của tinh thần dân tộc, của văn hóa dân tộc, tất cả những gì tạo nên con người Việt Nam, tất cả những gì mà quá trình đấu tranh của dân tộc đã để lại trong con người Việt Nam, tất cả những cái đó đều có trong con người miền Nam và người miền Bắc... trong quá trình phát triển vào Nam, cái cốt tủy, cái tinh túy của dân tộc tuy căn bản có giữ, nhưng về một mặt nào hay một phạm vi nào đó, có bớt đi ít nhiều, nhưng một mặt khác nó lại sáng tạo thêm, phát triển thêm. Nhờ đó tính chất dân tộc của chúng ta thêm phong phú..."⁽²¹⁾. Con người của vùng đất đồng bằng sông Cửu Long với vốn tư chất sẵn có ấy, luôn là thành tố không thể thiếu trong sự nghiệp xây dựng đất nước, nhất là trong xu thế hội nhập thế giới đang diễn ra như vũ bão hiện nay.

CHÚ THÍCH

1. Nguyễn Công Bình-Đỗ Thái Đồng-Nguyễn Quang Vinh-Nguyễn Quới (1995), Đồng bằng sông Cửu Long nghiên cứu và phát triển, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, sđd tr. 17.

2. Tam nông ở đây chính là "nông dân, nông thôn, nông nghiệp" chuyển thành tam hóa "công nghiệp hóa, đô thị hóa, thị trường hóa". Tức là công nghiệp hóa phải dùng kỹ thuật công nghệ tiên tiến để cải tạo nông nghiệp và kinh tế nông thôn; đô thị hóa dùng để chuyển hóa nông dân tiếp cận đời sống văn minh; thị trường hóa giúp đưa người nông dân, cơ chế nông thôn tiếp cận nhiều hơn với quỹ đạo của nền kinh tế thị trường.

3. Nguyễn Công Bình-Lê Xuân Diễm-Mạc Đường (1990), Văn hóa và cư dân đồng bằng sông Cửu Long, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội, sđd tr. 14-27

4. Bùi Đức Tịnh (1999), Lược khảo nguồn gốc địa danh Nam Bộ, Nxb Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, sđd tr. 18.
5. Bùi Đức Tịnh (1999), Lược khảo nguồn gốc địa danh Nam Bộ, Nxb Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, sđd tr. 25
6. Sơn Nam (1970), Đồng bằng sông Cửu Long hay văn minh miệt vườn, Nxb An Tiêm, Sài Gòn, sđd tr. 17
7. Phan Đại Doãn (1992), Làng Việt Nam, một số vấn đề kinh tế - xã hội, Nxb Khoa học xã hội - Nxb Mũi Cà Mau, sđd tr. 93
8. Nguyễn Đình Đầu (1987), "Địa lý lịch sử thành phố Hồ Chí Minh", Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh, Phần lịch sử, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, sđd tr. 144.
9. Phan An (1998), "Người Sài Gòn", Góp phần tìm hiểu lịch sử - văn hóa 300 năm Sài Gòn - thành phố Hồ Chí Minh, Nxb Trẻ, sđd tr. 67.
10. Phan Đại Doãn (1992), Làng Việt Nam, một số vấn đề kinh tế - xã hội, Nxb Khoa học Xã hội - Nxb Mũi Cà Mau, tr. 83-84.
11. Nguyễn Đình Đầu (1992), Chế độ công điền - công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam kỳ lục tỉnh, Nxb Trẻ, sđd tr. 109-110.
12. Nguyễn Đình Đầu (1992), Chế độ công điền - công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam kỳ lục tỉnh, Nxb Trẻ, sđd tr. 100-101.
13. Huỳnh Ngọc Trảng (1988), "Văn học dân gian Gia Định - Sài Gòn", Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh, Phần văn học, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, tr. 24-26.
14. Nguyễn Công Bình-Lê Xuân Diệm-Mạc Đường (1990), Văn hóa và cư dân Đồng bằng sông Cửu Long, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 379-380.
15. Trần Bạch Đằng (2002), "Tính năng động, sáng tạo của người Việt sống trên đất phương Nam", Nam Bộ Đất và Người, Nxb Trẻ, tr. 10-12.
16. Trần Bạch Đằng (1987), "Tổng luận", Địa chí văn hóa thành phố Hồ Chí Minh, Phần lịch sử, Nxb thành phố Hồ Chí Minh, tr 423-426.
17. Dân gian Nam Bộ có câu "Ở đâu có khói là có anh... Ba Tàu".
18. Lê Kim Hoàng (2002), "Mấy nét về kinh tế thị trường ở miền Tây Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến đầu thế kỷ XX", Hội thảo "Nam Bộ và Nam Trung Bộ những vấn đề lịch sử thế kỷ XVII-XIX", tr. 72-73.
19. Trịnh Hoài Đức, Gia Định thành thông chí, tập thượng, Tu trai Nguyễn Tạo dịch, Phủ quốc vụ khánh đặc trách văn hóa Sài Gòn xuất bản, 1972, sđd tr.
20. Có một thời gian dài, các tỉnh phía Bắc thập niên 80 tồn tại một hình thức Tổng công ty nhà nước với tên gọi "Công ty biển pha sông", thể hiện một chân lý trong tính cách của dân Việt từ xưa là theo các triền sông của vùng châu thổ làm nơi định cư và canh tác lúa nước; thể hiện "văn minh lúa nước" "văn minh thực vật" đơm chất. Từ đây mới có "Đứng trước biển mà nhạt biển". Thậm chí thể hiện ngay trong cơ cấu bữa ăn cũng thế "...nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương". Khi xuôi về phương Nam có sự giao lưu với văn hóa Chăm, Hoa,... thì yếu tố biển được nâng dần lên. Đây chính là một bước đệm cho bước ngoặt mới khi thế kỷ XXI là thế kỷ của biển!?
21. Lê Duẩn (1963), Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr. 40-41.

TÓM TẮT

Tính cách văn hóa người Việt ở đồng bằng sông Cửu Long là một thành tố không thể tách rời trong chỉnh thể chung của văn hóa Nam Bộ và văn hóa Việt Nam. Đây là vấn đề mang tính khoa học, có tính thời đại, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước hiện nay.

SUMMARY

The cultural characteristics of Vietnamese people in the Mekong Delta is an inseparable element in the general entity of the Southern culture and Vietnamese culture. This is the matter with characteristics of science and era, appropriate for the demand of national development.